TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày 31-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thanh Văn.**

2. Ông **Nguyễn Văn Ninh**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Huỳnh Thanh Hải** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa*:** Ông **Lê M. Quân–** Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NNM**, sinh ngày 08/12/1992, tại tỉnh TN; Nơi thường trú: ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông LVT (chết) và bà NTT, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 26/5/2017 Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 115; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NNM 12 (mười hai) tháng tù về tội "Giao cấu với trẻ em", thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2017, bị cáo M. chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/02/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/01/2025 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị **Mai Thanh Th.**, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp PĐ, xã Phước Thạnh, huyện GD, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **TTQ**, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp TP, xã PT, huyện BĐ, tỉnh BP (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 31/12/2024, chị Mai Thanh Th., sinh năm 1999, ngụ ấp PĐ, xã Phước Thạnh, huyện GD, tỉnh TN điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Sonic, màu sơn trắng – đỏ – đen, biển số 70F1-908.87, đi từ nhà đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Billion Industrial Việt Nam thuộc khu công nghiệp PĐ – BL để làm việc. Khi đến nơi, chị Th. để xe ở nhà xe của công ty rồi đi vào xưởng làm việc. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, chị Th. ra nhà xe để lấy xe đi về nhà thì phát hiện xe mô tô biển số 70F1-908.87 bị mất trộm. Sau đó, chị Th. đến công an trình báo vụ việc.

Kết quả điều tra đã làm rõ: Khoảng hơn 06 giờ ngày 31/12/2024, bị cáo NNM đi bộ từ nhà trọ gần khu vực chợ chiều thuộc ấp Phước Đức B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Billion Industrial Việt Nam thuộc khu công nghiệp PĐ – BL để làm công nhân. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, điện thoại bị cáo M. hết pin nên đi lại ổ điện gần chị Th. làm chung bộ phận ngồi sạc điện thoại. Khoảng 30 phút sau, bị cáo M. thấy chị Th. đi theo người Trung Quốc để phiên dịch và quan sát trên bàn chỗ chị Th. làm có để 01 túi nilon màu xanh nên đi đến dùng tay mở túi nilon ra xem thì phát hiện bên trong có chìa khóa xe mô tô cùng thẻ giữ xe. Lúc này, bị cáo M. nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của chị Th. nên lấy trộm chìa khóa xe và thẻ giữ xe rồi đi bộ ra nhà xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Billion Industrial Việt Nam đến chỗ để xe mô tô biển số 70F1-908.87, dùng chìa khóa mở ổ khóa, nổ máy điều khiển xe chạy ra khỏi công ty. Sau đó, bị cáo M. mang xe đến khu vực tỉnh BP và bán xe cho anh TTQ với số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 07/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện GD, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic, màu sơn trắng – đỏ – đen, biển số 70F1-908.87, số máy MH1KB1115MK301819, số máy KB11E1301543, đã qua sử dụng, có giá trị 36.000.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic, màu sơn trắng – đỏ – đen, biển số 70F1-908.87, số máy MH1KB1115MK301819, số máy

KB11E1301543, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Th. đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh TTQ yêu cầu bị cáo M. bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo M. chưa bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M. thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội.

Qua xác M., bị cáo M. không có tài sản nên không kê biên.

Cáo trạng số 33/CT-VKSGD ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN đã truy tố bị cáo NNM về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo NNM về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo NNM phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo NNM từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo không có tài sản.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Th. đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm. Đối với anh TTQ khi mua xe mô tô 70F1-908.87 do bị cáo M. bán, bị cáo M. nói dối là xe của mẹ, anh Q. không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo M. có nghĩa vụ trả cho anh TTQ số tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo M. nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo nhận thức việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xử phạt mức án nhẹ để sớm đoàn tụ với gia đình, chăm sóc mẹ già và đi làm có tiền để bồi thường cho anh TTQ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện GD, điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo M. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 31/12/2024, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Billion Industrial thuộc khu công nghiệp PĐ – BL, huyện GD, tỉnh TN, bị cáo M. lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác. Bị cáo M. là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội trộm cắp tài sản do cố ý, mục đích của bị cáo là mong muốn chiếm đoạt xe mô tô 70F1-908.87 của bị hại Th., gây thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt, từ giá trị 36.000.000 đồng, bị cáo M. đem bán cho anh TTQ với giá 10.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo M. đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và lời luận tội là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đây đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng do tham lam, coi thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo M. thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo M. được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Th. đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với anh TTQ không biết bị cáo M. bán xe từ việc đi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý là có căn cứ. Ngoài ra, anh Q. mua xe do bị cáo bán với giá 10.000.000 đồng, anh Q. đã giao trả xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra để hoàn trả cho bị hại Th.. Nay anh Q. yêu cầu bị cáo M. bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở xem xét. Do đó, cần buộc bị cáo M. có nghĩa vụ trả cho anh Q. số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Sonic, màu sơn trắng – đỏ – đen, biển số 70F1-908.87, số máy MH1KB1115MK301819, số máy KB11E13001543, đã qua sử dụng. Bị hại Th. đã được nhận lại theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15/02/2025.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **NNM** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **NNM** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/01/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị hại Mai Thanh Th. đã nhận lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15/02/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Mai Thanh Th. đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Buộc bị cáo NNM có nghĩa vụ trả cho anh TTQ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo NNM phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TN;
- VKSND huyện GD.
- CCTHADS huyện GD.
- THA phạt tù.
- Lưu.